

Số: 2474/QĐ-CT

Hải Phòng, ngày 24 tháng 9 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;  
thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục  
hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: Quyết định số 1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bồi thường nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; Quyết định số 1540/QĐ-BTP ngày 06/7/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; Quyết định số 2244/QĐ-BTP ngày 24/8/2018 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1321/TTr-STP ngày 07/9/2018,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Tư pháp tổ chức thực hiện việc công khai Danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././

*Nơi nhận:*

- VPCP (Cục KSTTHC);
- TTU, TT HĐNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 4;
- C, PVP UBNDTP;
- Công TTĐTTP;
- Phòng: KSTTHC, VX-NC;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tùng**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH;  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ;  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ LĨNH VỰC TƯ PHÁP**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **2474/QĐ-CT** ngày **24/...9/2018**  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

**PHỤ LỤC I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (02 thủ tục)**

**I. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (01 thủ tục)**

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục phục hồi danh dự	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về việc Nhà nước tổ chức phục hồi danh dự.</li> <li>- 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.</li> </ul>	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp tỉnh.	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (Luật TNBTCNN năm 2017);</li> <li>- Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018;</li> <li>- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018.</li> </ul>

II. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện (01 thủ tục)

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục phục hồi danh dự	15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp huyện.	Không	-Luật TNBTCNN năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018.

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (04 thủ tục)**

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	- 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá luật sư phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc; - 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả lựa chọn, luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Trung tâm.	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017.
2	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	- 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá luật sư phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc; - 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả lựa chọn, luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Sở Tư pháp.	Sở Tư pháp	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017.
3	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.	Sở Tư pháp	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017.
4	Thủ tục chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017.

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2474/QĐ-CT ngày 24/10/2018*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

**Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp (07 thủ tục)**

STT	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>I. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ</b>					
1.	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý.	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; - Tổ chức hành nghề luật sư; - Tổ chức tư vấn pháp luật.	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017.
2	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017.
3	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017.
4	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý.	- Người đứng đầu tổ chức thực hiện TGPL: 03 ngày làm việc; GD Sở Tư pháp: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại.	- Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý NN; - Giám đốc Sở Tư pháp.	Không	Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.
<b>II. LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP</b>					
1	Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho	10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ.	Sở Tư pháp	Phí cung cấp thông tin	- Luật Lý lịch tư pháp năm

	<p>công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam.</p>	<p>Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.</p>		<p>LLTP: 200.000 đồng/lần/người.          Đối với sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ: 100.000 đồng/lần/người.          Miễn phí cung cấp thông tin LLTP cho trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.          TH đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thi kể từ Phiếu thứ 3 thu thêm 5.000 đồng/Phiếu.</p>	<p>2009;          - Luật Căn cước công dân năm 2014;          - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010;          - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011;          - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012;          - Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/1/2013;          - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.</p>
2	<p>Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam).</p>	<p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.</p>	Sở Tư pháp	Không	<p>- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009;          - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010;          - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011;          - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-</p>

					BCA-BQP ngày 10/5/2012; - Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/1/2013; - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
3	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam).	- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày. - Trường hợp khẩn cấp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.	Sở Tư pháp	Không	- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012; - Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/1/2013; - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016



**PHỤ LỤC III**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2474/QĐ-CT ngày 24./12./2018*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

**I. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố**  
*(02 thủ tục)*

ST T	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Thủ tục xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường.	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp	Không	- Luật TNBTCNN năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 18/5/2018.
2.	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	Thực hiện theo quy định của Luật TNBTCNN năm 2017.	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp tỉnh.	Không	- Luật TNBTCNN năm 2017; - Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018.

**II. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện (01 thủ tục)**

ST T	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	Thực hiện ngay khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp huyện.	Không	- Luật TNBTCNN năm 2017; - Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018.

**III. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã**  
(01 thủ tục)

ST T	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	Thực hiện ngay khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 33 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp xã.	Không	- Luật TNBTCNN năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018.

PHỤ LỤC

**PHỤ LỤC VI**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BẠI BỎ LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2474/QĐ-CT ngày 24./1.9./2018  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
<b>I. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (02 thủ tục)</b>			
1.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu.	UBND thành phố	- Luật TNBTCNN năm 2017
2.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần hai.	UBND thành phố	- Luật TNBTCNN năm 2017
<b>II. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp (04 thủ tục)</b>			
1.	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường.	Sở Tư pháp	- Luật TNBTCNN năm 2017
2.	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường.	Sở Tư pháp	- Luật TNBTCNN năm 2017
3.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu.	Sở Tư pháp	- Luật TNBTCNN năm 2017
4.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần hai.	Sở Tư pháp	- Luật TNBTCNN năm 2017
<b>III. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện (03 thủ tục)</b>			
1.	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường.	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường	- Luật TNBTCNN năm 2017
2.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu.	UBND cấp huyện	- Luật TNBTCNN năm 2017
3.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần hai.	UBND cấp huyện	- Luật TNBTCNN năm 2017
<b>IV. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã (02 thủ tục)</b>			
1.	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường.	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường	- Luật TNBTCNN năm 2017
2.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu.	UBND cấp xã	- Luật TNBTCNN năm 2017